KHẢ QUAN

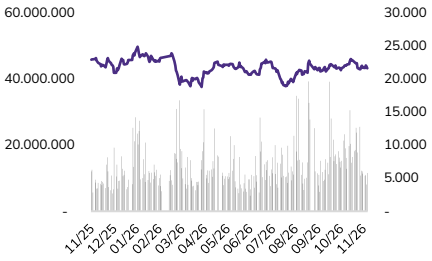
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 13/11/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: **21.550**
Giá mục tiêu (VND/CP)	: **23.700**
Tỷ lệ tăng	: **10,0%**
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 229.063
SLCPLH (Triệu CP)	: 10.629

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	9T/25	9T/26
TT tín dụng (% svđn)	17,8%	16,7%
TT huy động (% svđn)	15,3%	7,7%
TT thu nhập lãi (% svck)	48,7%	16,9%
NIM (%)	3,69%	3,64%
Tổng tín dụng/tổng huy động (%)	103,6%	107,0%
NPL (%)	1,16%	1,27%
LLR (%)	119,2%	107,1%
CIR (%)	30,1%	30,5%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Lợi nhuận quý cao kỷ lục

- **KQKD Q3/2026: Lợi nhuận trước thuế đạt mức cao nhất theo quý nhờ thu nhập dịch vụ tăng mạnh và chi phí dự phòng giảm.**

✓ Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của TCB đạt 16.588 tỷ đồng (+16,5% svck), trong đó thu nhập lãi thuần đạt 11.700 tỷ đồng (+17,9% svck) và thu nhập ngoài lãi đạt 4.888 tỷ đồng (+13,2% svck). Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 3.615 tỷ đồng (+59,5% svck), bù đắp cho mức sụt giảm của lãi từ chứng khoán đầu tư (-45,8% svck) và kinh doanh ngoại hối (-36,1% svck). Chi phí hoạt động tăng 17,9% svck, tương đương tốc độ tăng của thu nhập, trong khi chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 38,8% svck còn 917 tỷ đồng. Nhờ vậy, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 10.375 tỷ đồng (+25,8% svck), mức cao nhất theo quý từ trước đến nay; LNST cổ đông công ty mẹ đạt 7.943 tỷ đồng (+23,7% svck).

- **KQKD 9T/2026: Lợi nhuận tăng trưởng tích cực và vượt tiến độ kế hoạch năm, tuy nhiên chi phí vốn tăng nhanh và nợ xấu tăng trở lại.**

✓ Tổng thu nhập hoạt động đạt 45.204 tỷ đồng (+17,1% svck). LNTT ghi nhận 28.915 tỷ đồng (+23,7% svck), tương đương 77,1% kế hoạch theo kịch bản 1 (37.500 tỷ đồng) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. LNST cổ đông công ty mẹ đạt 21.964 tỷ đồng (+18,0% svck). Trong đó:

✓ **Thu nhập lãi thuần tăng tích cực.** Thu nhập lãi thuần ghi nhận 31.985 tỷ đồng (+16,9% svck), chiếm 70,8% tổng thu nhập hoạt động. Tăng trưởng đến từ quy mô tài sản sinh lãi mở rộng, trong khi biên lãi ròng chịu áp lực do chi phí vốn tăng nhanh hơn lợi suất tài sản.

➢ **Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao +16,7% sv đầu năm (+19,4% svck)**, đạt 961.414 tỷ đồng. Riêng dư nợ cho vay khách hàng tăng 13,1% sv đầu năm, cao hơn mức tăng 12,5% của tổng dư nợ cho vay khách hàng 27 ngân hàng niêm yết; thị phần cho vay khách hàng của TCB trong nhóm này là khoảng 5,5%. Cụ thể:

(i) Xét theo cơ cấu: cho vay khách hàng đạt 868.473 tỷ đồng (+13,1% sv đầu năm), trong khi trái phiếu doanh nghiệp tăng mạnh lên 92.934 tỷ đồng (+64,5% sv đầu năm).

(ii) Xét theo nhóm khách hàng: theo thông tin IR của ngân hàng, tín dụng khách hàng doanh nghiệp đạt 542,4 nghìn tỷ đồng (+20,0% sv đầu năm) nhờ đẩy mạnh giải ngân cho các dự án hạ tầng quốc gia quy mô lớn trong Q3/2026; tín dụng cá nhân và SME đạt 419,0 nghìn tỷ đồng (+12,7% sv đầu năm) với việc tiếp tục mở rộng cho vay tín chấp, chủ yếu ở phân khúc hộ kinh doanh.

BẢNG 1 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Q3/2025	Q3/2026	% svck	9T/2025	9T/2026	% svck
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	9.925	11.700	17,9%	27.367	31.985	16,9%
Thu nhập thuần ngoài lãi (Tỷ đồng)	4.317	4.888	13,2%	11.229	13.219	17,7%
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	14.242	16.588	16,5%	38.596	45.204	17,1%
Chi phí hoạt động (Tỷ đồng)	4.493	5.295	17,9%	11.608	13.784	18,7%
CIR (%)	31,5%	31,9%		30,1%	30,5%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Tỷ đồng)	1.499	917	-38,8%	3.603	2.504	-30,5%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	8.250	10.375	25,8%	23.385	28.915	23,7%
NIM (%) (*)	3,8%	3,5%		3,64%	3,61%	
Chi phí tín dụng (%)	0,77%	0,38%		0,65%	0,37%	
ROA (%)	2,44%	2,57%		2,40%	2,44%	
ROE (%)	16,0%	17,3%		16,0%	16,4%	

Nguồn: TCB, FiinPro, ABS Research

BẢNG 2 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3/2025	Q3/2026	% svck	% sv đầu năm
Tổng vốn chủ sở hữu	179.431	197.325	10,0%	9,9%
Tổng tài sản	1.129.570	1.318.165	16,7%	10,6%
Tổng tín dụng (**)	804.932	961.414	19,4%	16,7%
Tổng huy động (**)	776.829	898.437	15,7%	7,7%
Nợ xấu (%)	1,16%	1,27%		
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	119,2%	107,1%		
Tổng tín dụng/Tổng huy động (%)	103,6%	107,0%		

Nguồn: TCB, FiinPro, ABS Research

(**) Tín dụng = cho vay khách hàng + mua nợ + trái phiếu doanh nghiệp; Huy động = tiền gửi khách hàng + giấy tờ có giá.

✓ **NIM giảm nhẹ svck, tuy nhiên vẫn thuộc nhóm cao trong ngành.** Theo tính toán của chúng tôi, NIM 9T/2026 đạt 3,61%, giảm 3 điểm cơ bản svck. Chi phí vốn 9T/2026 là 4,8% (+133 điểm cơ bản svck), riêng Q3/2026 là 5,1% (+171 điểm cơ bản svck); NIM Q3/2026 đạt 3,5%, nhích lên từ 3,4% của Q2/2026 nhờ điều chỉnh lãi suất cho vay và dịch chuyển danh mục sang tài sản có lợi suất cao hơn.

✓ **Thu nhập ngoài lãi tăng 17,7% svck, đóng góp 30,1% vào mức tăng của TOI.**

➢ Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi chủ yếu nhờ hoạt động dịch vụ, với lãi thuần đạt 10.425 tỷ đồng (+68,1% svck). Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (NFI, gồm ngoại hối và phái sinh) đạt 11,8 nghìn tỷ đồng (+40,0% svck), đưa tỷ lệ NFI/TOI lên 26,2%. Trong đó, LC, tiền mặt và thanh toán đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (+136,6% svck); bảo hiểm đạt 1,7 nghìn tỷ đồng (+106,1% svck); thẻ đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+29,0% svck); ngoại hối và phái sinh đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (+27,1% svck). Riêng mảng ngân hàng đầu tư đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (-17,5% svck) do biên lợi nhuận chịu ảnh hưởng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cao hơn.

➢ Các khoản thu nhập ngoài lãi còn lại giảm svck và biến động mạnh theo quý: lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư đạt 895 tỷ đồng (-57,6% svck), trong đó riêng Q3/2026 đóng góp 575 tỷ đồng; lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối đạt 873 tỷ đồng (-39,0% svck).

➢ Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 910 tỷ đồng (-34,5% svck).

✓ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng là 2.504 tỷ đồng (-30,5% svck), qua đó chi phí tín dụng (năm hóa) giảm xuống 0,37% từ mức 0,65% của cùng kỳ. Chi phí dự phòng thấp là yếu tố chính giúp LNTT tăng nhanh hơn TOI, song đi kèm với tỷ lệ bao phủ nợ xấu suy giảm.

✓ **Chi phí hoạt động được kiểm soát, CIR thấp hơn mặt bằng chung của ngành.** Chi phí hoạt động 9T/2026 của TCB là 13.784 tỷ đồng (+18,7% svck), tỷ lệ CIR ở mức 30,5%. CIR trượt 12 tháng của TCB là 31,0%, thấp hơn mức trung vị 33,4% của 27 ngân hàng niêm yết.

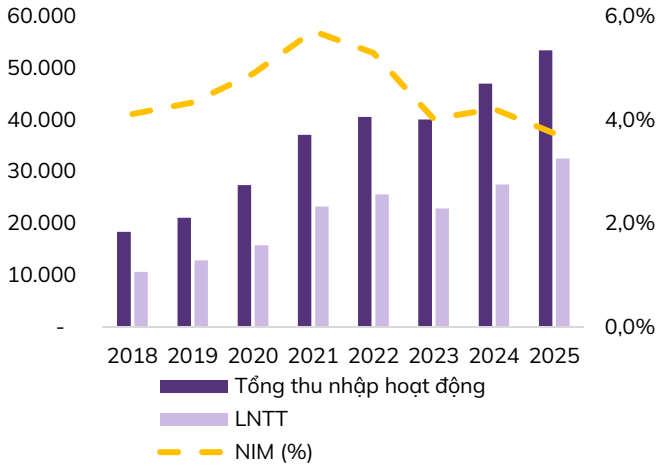
- **Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động: Nợ xấu và nợ nhóm 2 tăng trở lại, bộ đệm dự phòng mỏng hơn nhưng vẫn thuộc nhóm cao trong ngành.**

✓ Tại thời điểm 30/09/2026, tỷ lệ nợ xấu là 1,27% trên tổng dư nợ cho vay khách hàng, thấp thứ 5 trong 27 ngân hàng niêm yết và thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 2,5%. Tuy nhiên, số dư nợ xấu tăng 34,8% sv đầu năm lên 11.048 tỷ đồng; nợ nhóm 2 tăng lên 7.641 tỷ đồng, tương đương 0,88% dư nợ. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ 128,1% xuống 107,1%, song vẫn đứng thứ 4 trong 27 ngân hàng niêm yết và cao hơn nhiều so với mức bình quân 71,7% của 26 ngân hàng còn lại. Theo thông tin IR của ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu là 1,36%, tương ứng 1,26% nếu loại trừ tác động CIC.

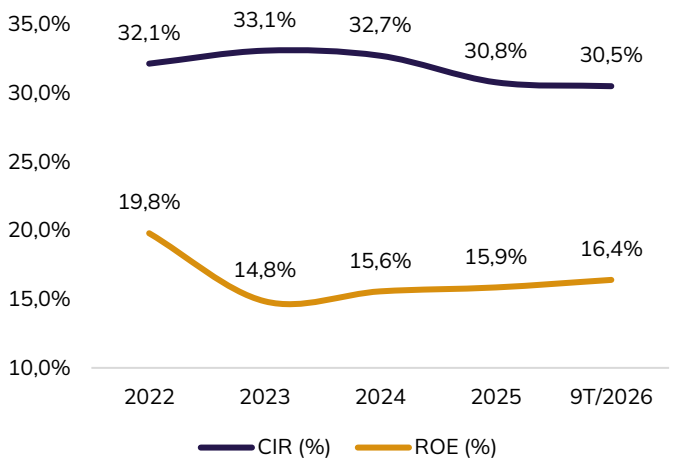
✓ Tổng huy động (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tại ngày 30/09/2026 đạt 898.437 tỷ đồng (+7,7% sv đầu năm, +15,7% svck), thấp hơn mức tăng 13,1% sv đầu năm của tổng huy động 27 ngân hàng niêm yết. Tỷ lệ tín dụng/huy động tăng lên 107,0%. Tỷ lệ CASA theo công bố của ngân hàng (gồm Sinh lời tự động) giảm còn 35,5% (-2,8 điểm % QoQ, -7 điểm % svck) do khách hàng cá nhân chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn và biến động dòng tiền thời điểm của khách hàng doanh nghiệp. Tỷ lệ CASA theo tính toán của chúng tôi là 31,0%, đứng thứ 3 trong 27 ngân hàng niêm yết.

✓ Các chỉ số an toàn hoạt động của TCB được kiểm soát trong giới hạn quy định. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II đạt 15,0%, cao hơn đáng kể so với mức tối thiểu 8% theo quy định của NHNN, tạo dư địa cho tăng trưởng tín dụng.

Tổng thu nhập hoạt động, LNTT (tỷ đồng) và NIM (%)

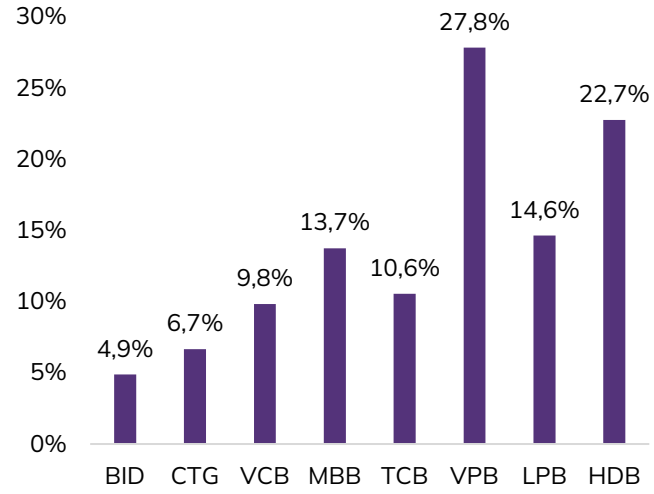


CIR và ROE (%)

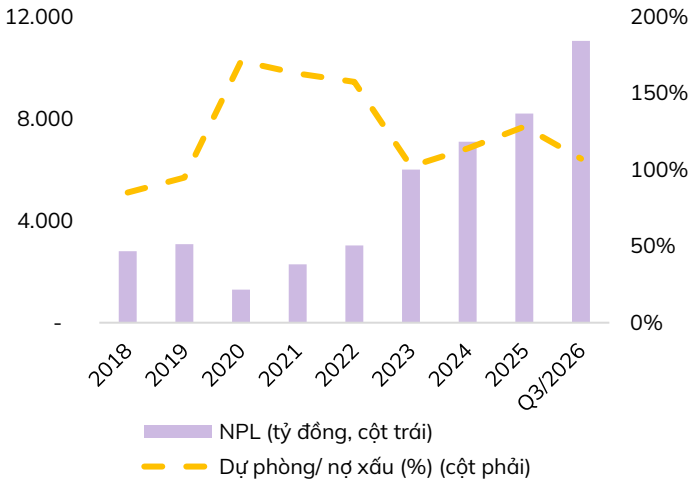


Nguồn: TCB, FiinPro, ABS Research

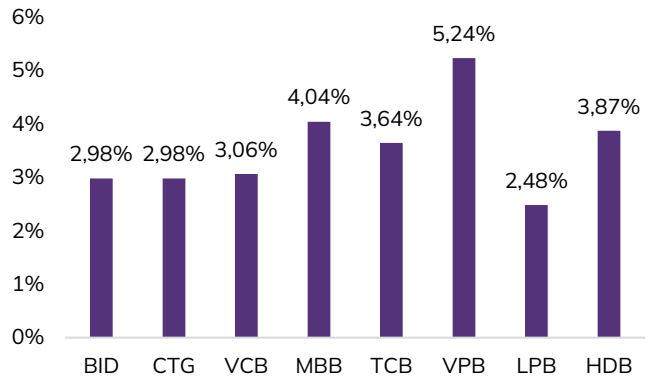
Tăng trưởng tổng tài sản một số ngân hàng lớn (Q3/2026)



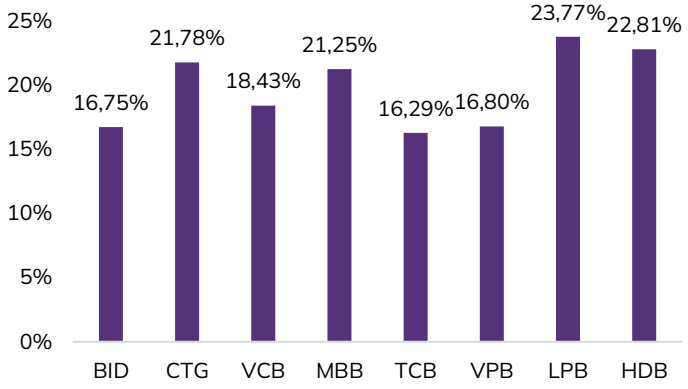
NPL và dự phòng nợ xấu của TCB



NIM của một số ngân hàng 9T/20256 (%)

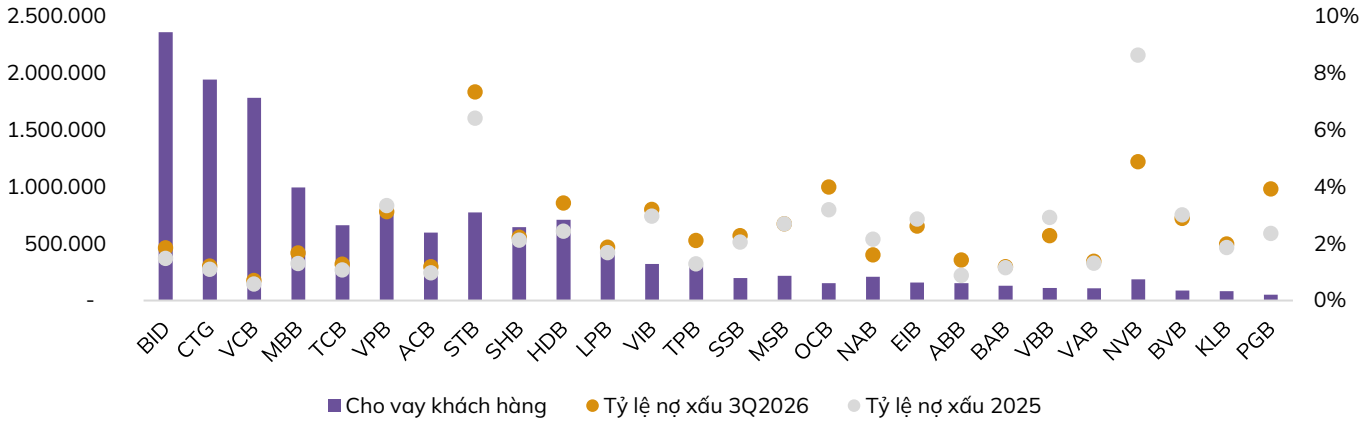


Chỉ số ROE của một số ngân hàng (%)



Nguồn: FiinPro, ABS Research

Dư nợ cho vay khách hàng và nợ xấu của các ngân hàng tại 30/09/2026 (tỷ đồng, % svck)



Nguồn: BCTC các ngân hàng, FiinPro, ABS Research

Triển vọng và Dự báo

- **Định hướng 2026 của TCB:**

✓ **Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026:**

- ➢ Kịch bản 1: LNTT đạt 37.500 tỷ đồng (+15,2% svck), tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1,5%.
- ➢ Kịch bản 2: LNTT đạt 35.000 tỷ đồng (+7,6% svck), tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.
- ➢ Dư nợ tín dụng theo hạn mức hiện tại đạt khoảng 849 nghìn tỷ đồng (+12% svck).
- ➢ Vốn điều lệ dự kiến tăng lên 113.738 tỷ đồng. Trong năm, TCB đã chi cổ tức tiền mặt tỷ lệ 7% (khoảng 4.960 tỷ đồng) và trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 50% (ngày giao dịch không hưởng quyền 29/10/2026), nâng vốn điều lệ lên 106.294 tỷ đồng, tương ứng 10.629 triệu cổ phiếu lưu hành. Ngân hàng còn kế hoạch phát hành khoảng 30 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đ/cp.

- **Chúng tôi cho rằng TCB có thể đạt được mục tiêu kế hoạch kinh doanh trên nhờ vào các yếu tố:**

✓ **Tiến độ thực hiện sau 9 tháng ở mức cao.** LNTT 9T/2026 đã hoàn thành 77,1% kế hoạch theo kịch bản 1. Để hoàn thành kịch bản này, LNTT Q4/2026 cần đạt 8.585 tỷ đồng, thấp hơn mức thực hiện của Q4/2025 (9.153 tỷ đồng) và của cả ba quý đầu năm 2026.

✓ **Thu nhập lãi thuần tiếp tục tăng theo quy mô.** Chúng tôi dự phóng thu nhập lãi thuần 2026F đạt tăng 14,2% svck, NIM 2026F ước khoảng 3,67%. Tỷ lệ CAR ở mức 15,0% là cơ sở để ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng cao.

✓ **Thu nhập dịch vụ là động lực tăng trưởng thứ hai.** Chúng tôi kỳ vọng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ 2026F tăng khoảng 59,0% svck nhờ các mảng thanh toán, LC và bảo hiểm.

✓ **Các công ty con duy trì đóng góp lớn.** Theo thông tin IR của ngân hàng, TCBS đạt LNTT Q3/2026 là 2.152 tỷ đồng, mức cao nhất theo quý; lũy kế 9 tháng đạt 5.708 tỷ đồng (+13% svck), hoàn thành 76% kế hoạch năm. Techcom Life ghi nhận doanh thu khai thác mới khoảng 652 tỷ đồng trong Q3/2026.

✓ **Chi phí tín dụng duy trì ở mức thấp.** Chi phí tín dụng 9T/2026 (năm hóa) ở mức 0,37%, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn trên 100%, giúp TCB chưa chịu áp lực lớn về trích lập trong ngắn hạn.

✓ Chúng tôi lưu ý một số rủi ro liên quan bao gồm:

➢ Rủi ro NIM thu hẹp do chi phí vốn tiếp tục tăng. Nguồn vốn đang có xu hướng dịch chuyển sang các nguồn có chi phí cao hơn (giấy tờ có giá, tiền gửi có kỳ hạn) trong khi tỷ lệ CASA suy giảm; nếu CASA không phục hồi, áp lực lên NIM sẽ kéo dài sang các quý tới.

➢ Rủi ro về chất lượng tài sản. Nợ nhóm 2 tăng lên 7.641 tỷ đồng có thể chuyển thành nợ xấu trong các quý tới, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu đã giảm 21,0 điểm % sv đầu năm. Bên cạnh đó, danh mục tín dụng có mức độ tập trung cao ở lĩnh vực bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp có thể mang lại rủi ro.

✓ ABS Research dự phóng LNST của cổ đông công ty mẹ năm 2026F đạt 29.056 tỷ đồng (+14,9% svck). EPS và BVPS 2026F lần lượt là 3.280 đ/cp và 18.261 đ/cp. Tại mức giá đóng cửa ngày 12/11/2026 là 21.550 đ/cp, cổ phiếu TCB đang giao dịch ở mức P/E và P/B 2026F lần lượt là 6,57x lần và 1,18x lần.

✓ Chúng tôi áp dụng phương pháp P/B để định giá cổ phiếu TCB với tỷ lệ P/B mục tiêu là 1,30x lần. Giá mục tiêu của cổ phiếu TCB là 23.700 đ/cp. Với khả năng tăng giá 10,0%, chúng tôi khuyến nghị Khả quan đối với TCB.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA TCB

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	44.753	56.708	60.089	68.017
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(14.463)	(29.017)	(24.581)	(29.862)
Thu nhập lãi thuần	30.290	27.691	35.508	38.155
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10.840	11.378	10.962	12.527
Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.688)	(2.663)	(2.919)	(3.755)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	8.153	8.715	8.042	8.772
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(275)	196	593	1.642
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(242)	65	81	52
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	426	926	2.359	2.846
Thu nhập từ hoạt động khác	4.500	6.460	9.325	6.426
Chi phí hoạt động khác	(2.333)	(4.026)	(8.982)	(4.542)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.167	2.434	343	1.884
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	35	65	39
Tổng thu nhập hoạt động	**40.527**	**40.061**	**46.990**	**53.391**
Chi phí hoạt động	(13.023)	(13.252)	(15.370)	(16.432)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	27.504	26.809	31.621	36.959
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.936)	(3.921)	(4.082)	(4.421)
Tổng lợi nhuận trước thuế	25.568	22.888	27.538	32.538
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.131)	(4.697)	(5.778)	(6.584)
Lợi nhuận sau thuế	**20.436**	**18.191**	**21.760**	**25.954**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(286)	(187)	(237)	(664)

An toàn vốn	2022	2023	2024	2025
VCSH/TTS	16,2%	15,5%	15,1%	15,1%
VCSH/ Cho vay khách hàng	27,3%	25,7%	23,7%	23,7%

Chất lượng tài sản	2022	2023	2024	2025
NPL	0,72%	1,16%	1,12%	1,07%
Dự phòng bao nợ xấu	157,3%	102,1%	113,9%	128,1%

Hiệu quả hoạt động	2022	2023	2024	2025
CIR	32,1%	33,1%	32,7%	30,8%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	74,7%	69,1%	75,6%	71,5%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	25,3%	30,9%	24,4%	28,5%

Lợi nhuận	2022	2023	2024	2025
NIM	5,29%	4,02%	4,21%	3,74%
Thu nhập ngoài lãi/Thu nhập lãi thuần	33,8%	44,7%	32,3%	39,9%
ROA	3,2%	2,3%	2,4%	2,4%
ROE	19,8%	14,8%	15,6%	15,9%

Thanh khoản	2022	2023	2024	2025
LDR (FiinPro)	92,7%	87,9%	84,7%	83,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4.216	3.621	3.385	4.361
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	11.476	27.141	54.353	82.163
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	82.874	104.072	84.590	114.958
Chứng khoán kinh doanh	961	4.433	9.001	4.816
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	144	0	0
Cho vay khách hàng và mua nợ (ròng)	**415.860**	**512.596**	**623.776**	**757.149**
Chứng khoán đầu tư	103.652	104.994	148.624	145.526
Đầu tư dài hạn	13	3.046	3.103	3.247
Tài sản cố định	8.411	8.893	12.467	12.123
Bất động sản đầu tư	1.053	0	0	0
Tài sản Có khác	70.517	80.543	39.501	68.001
Tổng tài sản	**699.033**	**849.482**	**978.799**	**1.192.344**
Các khoản nợ NHNN	8	0	12	4.324
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	167.563	153.173	132.239	144.983
Tiền gửi của khách hàng	358.404	454.661	533.392	618.912
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.851	0	931	2.417
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	0	0	0	0
Phát hành giấy tờ có giá	34.007	84.703	140.422	215.330
Các khoản nợ khác	23.775	25.329	23.862	26.877
Tổng nợ phải trả	**585.608**	**717.866**	**830.859**	**1.012.843**
Vốn	36.205	36.257	78.413	78.626
Quỹ của TCTD	11.609	45.029	24.787	28.645
Chênh lệch tỷ giá	0	0	0	0
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	64.483	49.013	42.219	62.774
Tổng vốn chủ sở hữu	**113.425**	**131.616**	**147.940**	**179.501**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.129	1.317	2.520	9.457
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	**699.033**	**849.482**	**978.799**	**1.192.344**

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Huy động khách hàng	13,9%	26,9%	17,3%	16,0%
Tín dụng	11,4%	22,3%	22,4%	19,8%
Tổng tài sản	22,9%	21,5%	15,2%	21,8%
Vốn chủ sở hữu	21,9%	16,0%	12,4%	21,3%
Thu nhập lãi thuần	13,5%	-8,6%	28,2%	7,5%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	9,3%	-1,2%	17,3%	13,6%
Chi phí hoạt động	16,6%	1,8%	16,0%	6,9%
Lợi nhuận trước thuế	10,0%	-10,5%	20,3%	18,2%
Lợi nhuận sau thuế	11,0%	-11,0%	19,6%	19,3%

Định giá (đồng/cp)	2022	2023	2024	2025
EPS (đồng/cp)	5.729	5.111	3.046	3.569
BVPS (đồng/cp)	31.927	36.990	20.583	23.996

Nguồn: FiinPro, TCB, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Phòng Phân tích Đầu tư

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc Phòng

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

